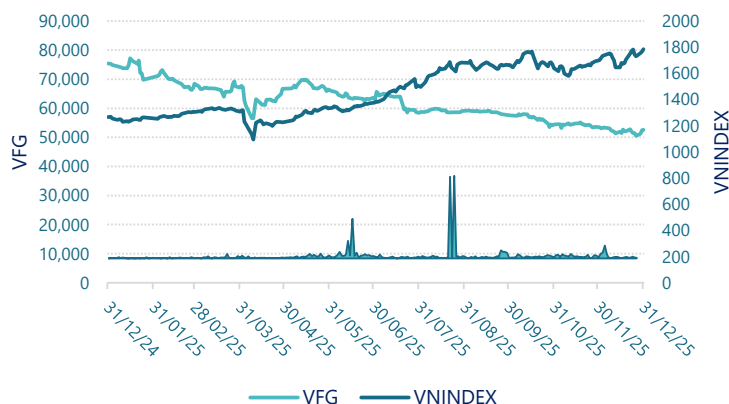


CTCP Khử trùng Việt Nam (HSX: VFG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	52,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	77,196
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	50,500
SL cổ phiếu LH	41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,605
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,194
P/E	6.5
EPS	8,082

DT thuần

Q4/25

954

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 243 | 34.2%

YoY: ▲ 158 | 19.9%

LN sau thuế

Q4/25

111

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.5 | 69.3%

YoY: ▼ 5.00 | -4.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

12.4%

+/- YoY: ▼ 4.1%

DT thuần

2025

3,530

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0 | 0.9%

LN sau thuế

2025

342

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 129 | -27.5%

ROE

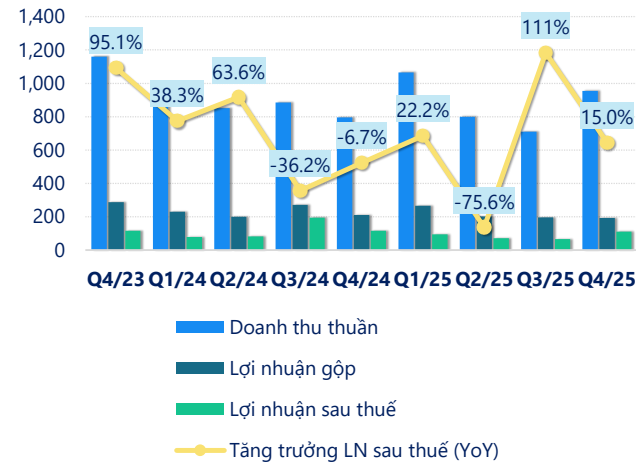
2025

20.3%

+/- YoY: ▼ 12.7%

tỷ VNĐ

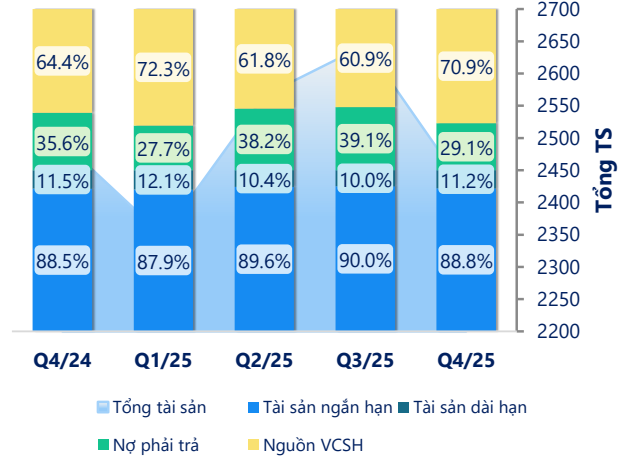
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

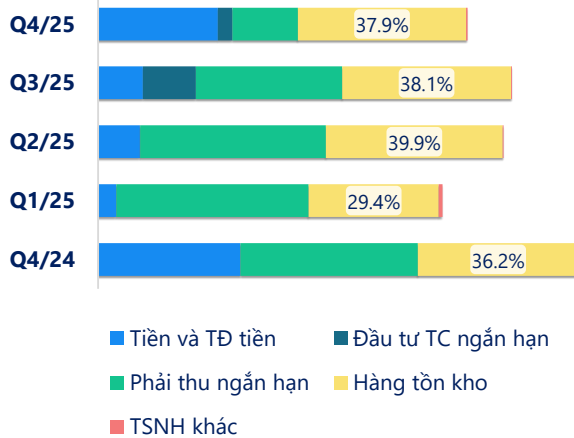
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



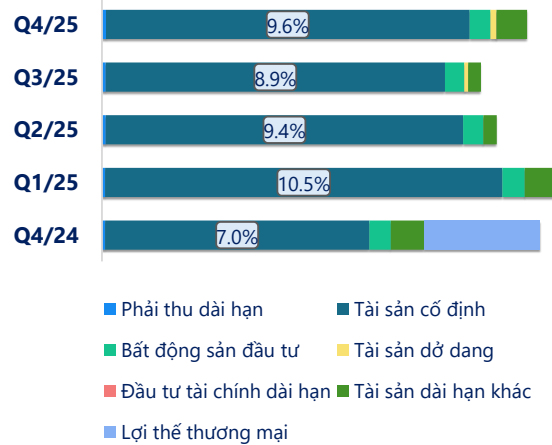
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

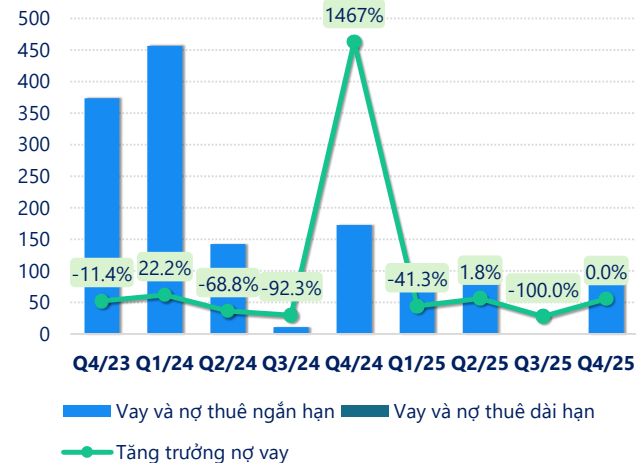
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

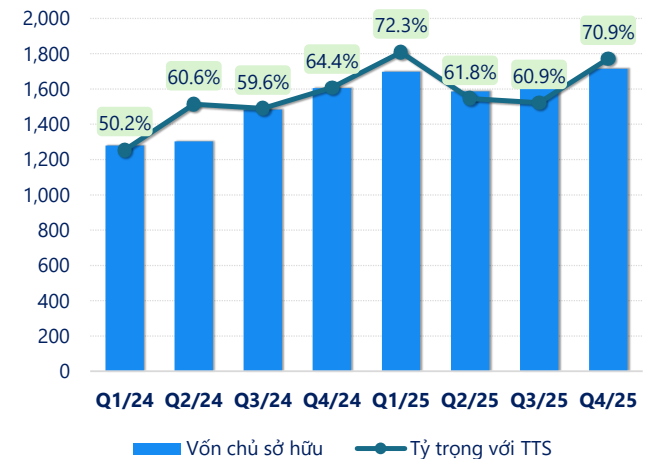
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

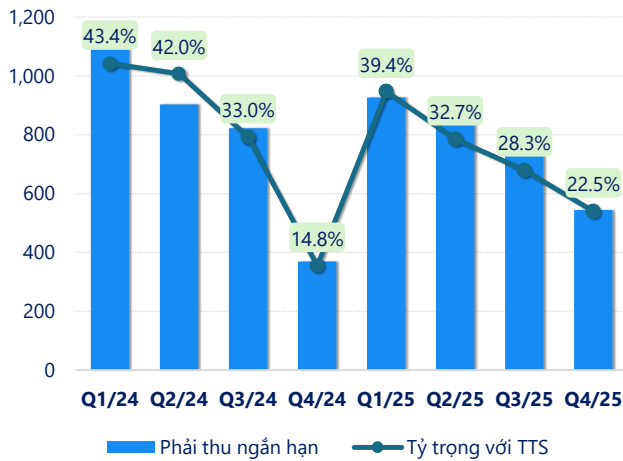
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



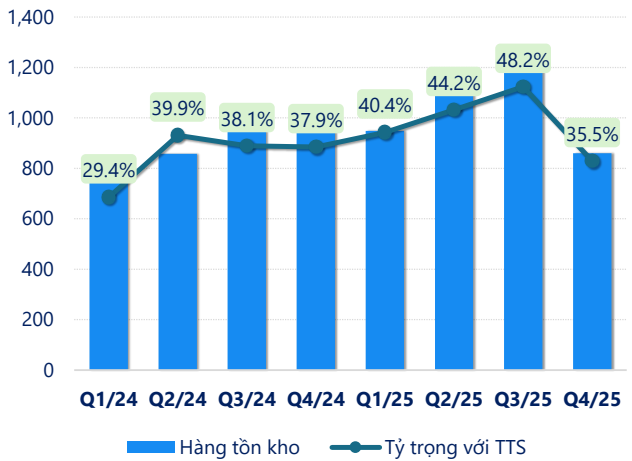
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


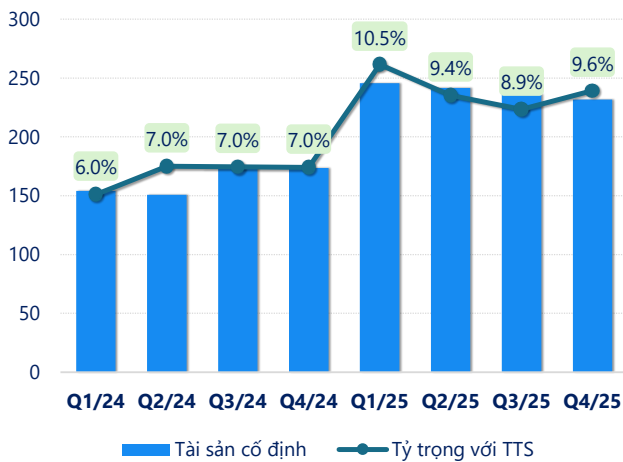
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


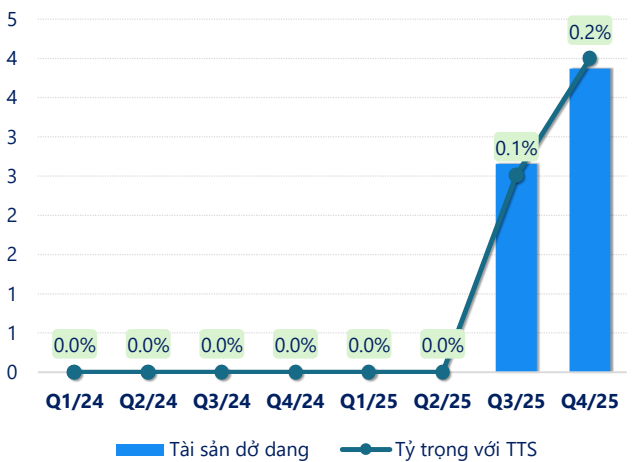
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

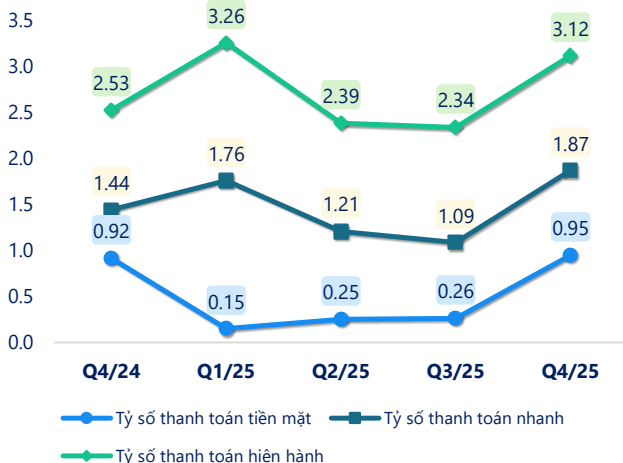
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

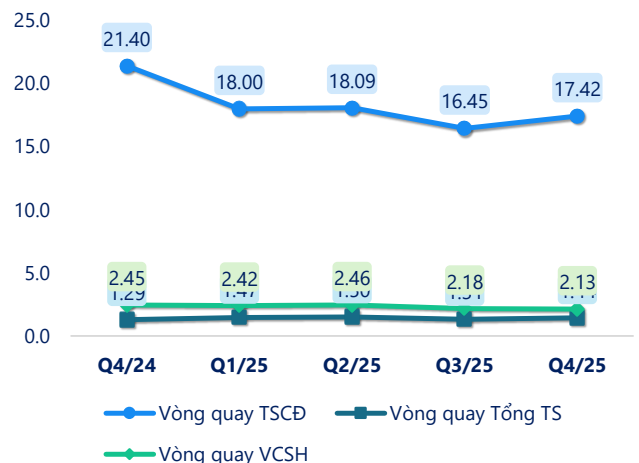
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,494	2,349	2,566	2,644	2,419
Tài sản ngắn hạn	2,207	2,065	2,299	2,380	2,149
Tiền và tương đương tiền	801	95.9	243	268	653
Đầu tư tài chính ngắn hạn	83.3	85.3	77.8	85.8	87.8
Phải thu ngắn hạn	369	926	839	748	544
Hàng tồn kho	946	949	1,135	1,273	860
Tài sản ngắn hạn khác	8.10	8.85	4.52	4.65	3.19
Tài sản dài hạn	288	283	267	264	271
Phải thu dài hạn	2.00	1.94	2.55	2.62	2.54
Tài sản cố định	174	246	241	236	232
Bất động sản đầu tư	14.1	13.9	13.7	13.5	13.3
Tài sản dở dang	0	0	0	2.66	3.87
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	22.2	21.9	8.88	9.00	19.5
Lợi thế thương mại	75.8	0	0	0	0
Nợ phải trả	889	650	980	1,034	705
Nợ ngắn hạn	874	634	964	1,018	689
Vay và nợ thuê ngắn hạn	172	101	103	0	87.4
Phải trả người bán ngắn hạn	121	59.4	408	601	253
Nợ dài hạn	15.5	16.2	16.2	16.1	15.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,605	1,698	1,586	1,610	1,715
Vốn chủ sở hữu	1,605	1,698	1,586	1,610	1,715
Vốn điều lệ	417	417	417	417	417
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)